SW626

305881

GENERAL INFORMATION

Description

SW626 là dòng tế bào ung thư buồng trứng ở người được thiết lập từ một bệnh nhân trưởng thành mắc ung thư buồng trứng dạng nang dịch (serous cystadenocarcinoma). Dòng tế bào này đã được sử dụng rộng rãi làm mô hình cho ung thư buồng trứng biểu mô (EOC), đặc biệt để nghiên cứu sinh học khối u, phản ứng với thuốc và sự đa dạng phân tử trong ung thư buồng trứng dạng nang dịch độ cao. Về mặt mô học, dòng tế bào SW626 duy trì các đặc điểm tương thích với nguồn gốc ung thư tuyến dịch của nó và thể hiện tiềm năng gây ung thư khi cấy ghép vào chuột suy giảm miễn dịch, tạo ra các khối u rắn tái hiện các đặc điểm của khối u nguyên phát.
Phân tích di truyền của SW626 cho thấy các biến đổi thường gặp trong ung thư buồng trứng, bao gồm sự rối loạn trong các con đường điều hòa quan trọng như TP53 và PI3K/AKT. Các phân tích phân tử đã chỉ ra rằng SW626 mang các biến đổi nhiễm sắc thể và mô hình biểu hiện gen đặc trưng cho ung thư buồng trứng dịch nhầy độ cao, khiến nó trở thành mô hình phù hợp để nghiên cứu tín hiệu ung thư, điểm yếu điều trị và cơ chế kháng thuốc. Dòng tế bào này đã được bao gồm trong các dự án phân tích gen ung thư quy mô lớn, nơi nó đóng góp vào các nền tảng sàng lọc thuốc và các nghiên cứu so sánh với các mô hình ung thư buồng trứng khác, giúp xác định các loại phân tử và cung cấp thông tin cho các tiếp cận y học chính xác.

Tissue	Di căn
Disease	Ung thư tuyến đại tràng

Synonyms

- SW-626
- SW 626

CLASSIFICATION

Organism	Human
Sex	Female
Growth properties	Adherent
Biosafety level	1

CHARACTERISTICS

Cell type	Thượng bì
Tumourigenic	Đúng; Đúng, ở chuột nude, bệnh lý này gây ra các khối u tuyến nhú biệt hóa tốt, phù hợp với ung thư buồng trứng nguyên phát.

Karyotype

Hypertetraploid; số lượng nhiễm sắc thể trung bình = 104. Tỷ lệ các mức độ đa bội cao hơn là 23%. Các dấu hiệu der(2)t(2;5)(q35;q31); del(8)(q13q22); del(12)(q13); t(q9q13) và hai dấu hiệu khác xuất hiện ở hầu hết các tế bào. Thông thường, mỗi tế bào có hai bản sao của der(2) và ba bản sao của del(8). Các dấu hiệu t(3;11)(p21;q25) và i(15q) được quan sát thấy trong một số tế bào. Nhiều tế bào có 8 bản sao của N3, N7, N9, N19 và N20, nhưng chỉ có hai bản sao của N2. Bản sao bình thường 8 không có mặt. Có bốn bản sao của X, và Y không được tìm thấy.

IDENTIFIERS

Citation

SW626 (Số catalog Cytion 305881)

Cytion GmbH
Nikola-Tesla-Str. 3
69124 Heidelberg
Tel: +49 (0)6221 405780
info@cytion.com
cytion.com

Registered office Heidelberg
VAT ID: DE283292917
Local court Mannheim - HRB 714394
CEO / Geschäftsführer: Jonathan Steubing

Banking information
Sparkasse Heidelberg
IBAN: DE35 6725 0020 0009 2076 86
BIC: SOLADES1HDB

NCBI TaxID	9606
Cellosaurus	CVCL_1725

EXPRESSION AND SUSCEPTIBILITY

Isoenzymes

AK-1, 1
ES-D, 1
G6PD, B
GLO-I, 1
Me-2, 1
PGM1, 1
PGM3, 1

Mutational profile

Biến đổi gen: APC, Đơn giản, p.Arg976fs*9 (c.2926_2927insA), Homozygous, KRAS, Đơn giản, p.Gly12Val (c.35G>T), dị hợp tử, Đơn giản, p.Asp351His (c.1051G>C), đồng hợp tử, TP53, Đơn giản, p.Gly262Val (c.785G>T), đồng hợp tử

HANDLING AND CULTURE

Culture medium

DMEM:Ham's F12 (tỷ lệ 1:1), chứa: 3,1 g/L glucose, chứa: 2,5 mM L-glutamine, chứa: 15 mM HEPES, chứa: 0,5 mM natri pyruvate, chứa: 1,2 g/L $NaHCO_3$ (Số hiệu sản phẩm Cytion 820400a)

Incubation atmosphere	37°C, 5%CO_2, môi trường ẩm.

Supplements

Bổ sung 10% huyết thanh bò phôi (FBS) vào môi trường nuôi cấy

Dissociation reagent	Accutase
Fluid renewal	2 đến 3 lần mỗi tuần

Thawing and culturing

Confirm that the vial remains deeply frozen upon delivery, as cells are shipped on dry ice to maintain optimal temperatures during transit.
Upon receipt, either store the cryovial immediately at temperatures below -150°C to ensure the preservation of cellular integrity, or proceed to step 3 if immediate culturing is required.
For immediate culturing, swiftly thaw the vial by immersing it in a 37°C water bath with clean water and an antimicrobial agent, agitating gently for 40-60 seconds until a small ice clump remains.
Perform all subsequent steps under sterile conditions in a flow hood, disinfecting the cryovial with 70% ethanol before opening.
Carefully open the disinfected vial and transfer the cell suspension into a 15 ml centrifuge tube containing 8 ml of room-temperature culture medium, mixing gently.
Centrifuge the mixture at 300 x g for 3 minutes to separate the cells and carefully discard the supernatant containing residual freezing medium.
Gently resuspend the cell pellet in 10 ml of fresh culture medium. For adherent cells, divide the suspension between two T25 culture flasks; for suspension cultures, transfer all the medium into one T25 flask to promote effective cell interaction and growth.
Adhere to established subculture protocols for continued growth and maintenance of the cell line, ensuring reliable experimental outcomes.

QUALITY CONTROL AND CRYOPRESERVATION

Sterility

Sự nhiễm khuẩn Mycoplasma được loại trừ bằng cả các phương pháp xét nghiệm dựa trên PCR và các phương pháp phát hiện Mycoplasma dựa trên phát quang.
Để đảm bảo không có nhiễm khuẩn vi khuẩn, nấm hoặc men, các mẫu nuôi cấy tế bào được kiểm tra trực quan hàng ngày.

Freeze medium	Như một môi trường bảo quản đông lạnh, chúng tôi sử dụng môi trường tăng trưởng hoàn chỉnh (bao gồm FBS) + 10% DMSO để đảm bảo độ sống sau khi rã đông, hoặc CM-1 (mã sản phẩm Cytion 800100), bao gồm các chất bảo vệ thẩm thấu và chất ổn định chuyển hóa được tối ưu hóa để cải thiện quá trình phục hồi và giảm stress do đông lạnh gây ra.

Storage conditions

Để bảo quản lâu dài, hãy đặt ống nghiệm vào nitơ lỏng ở pha hơi ở nhiệt độ khoảng −150 đến −196 °C. Việc bảo quản ở −80 °C chỉ được chấp nhận như một bước trung gian ngắn hạn trước khi chuyển sang nitơ lỏng.

Shipping conditions

Các dòng tế bào được bảo quản bằng phương pháp đông lạnh được vận chuyển trên đá khô trong bao bì cách nhiệt đã được kiểm định, kèm theo lượng chất làm lạnh đủ để duy trì nhiệt độ khoảng −78 °C trong suốt quá trình vận chuyển. Khi nhận hàng, hãy kiểm tra ngay lập tức bao bì và chuyển các ống nghiệm sang nơi lưu trữ phù hợp mà không chậm trễ.

DONOR

Donor age	46 năm
Ethnicity	Người da trắng

LEGAL AND SAFETY

Safety precautions

Khi lập kế hoạch lưu trữ ống cryovial trong nitơ lỏng để rã đông sau này, việc tuân thủ các biện pháp an toàn nghiêm ngặt là bắt buộc. Găng tay và quần áo bảo hộ phù hợp là điều cần thiết, và việc sử dụng khẩu trang hoặc kính bảo hộ là bắt buộc trong quá trình chuyển mẫu đông lạnh vào hoặc ra khỏi bể nitơ lỏng. Điều này nhằm giảm thiểu nguy cơ chấn thương do nổ ống cryovial khi lấy ra, có thể dẫn đến việc văng ra các mảnh vỡ sắc nhọn.

Disclaimer

Các tế bào của chúng tôi được cung cấp độc quyền cho mục đích nghiên cứu trong phòng thí nghiệm in vitro và không được sử dụng cho mục đích lâm sàng hoặc chẩn đoán, cũng như không được tiêm cho con người hoặc sử dụng cho mục đích thú y. Người sử dụng phải tuân thủ tất cả các hướng dẫn và quy định áp dụng liên quan đến việc xử lý và sử dụng các tế bào này trong môi trường nghiên cứu.

Warranty

Tại Cytion, chúng tôi cam kết về chất lượng và khả năng sống của các sản phẩm của mình.
Chúng tôi đảm bảo rằng các tế bào của chúng tôi sẽ có khả năng sống tại thời điểm bắt đầu nuôi cấy trong
60 ngày kể từ khi vận chuyển từ cơ sở của chúng tôi.
Chúng tôi cam kết rằng tất cả các vật liệu tuân thủ các thông số kỹ thuật được mô tả trong
Giấy chứng nhận phân tích và/hoặc Tài liệu sản phẩm.
Để biết chi tiết đầy đủ, vui lòng tham khảo
<a href=""/Who-we-are/Warranty/"" hreflang=""x-default"">Tuyên bố Bảo hành.

Material Transfer Agreement required	Yes

Cytion GmbH
Nikola-Tesla-Str. 3
69124 Heidelberg
Tel: +49 (0)6221 405780
info@cytion.com
cytion.com

Registered office Heidelberg
VAT ID: DE283292917
Local court Mannheim - HRB 714394
CEO / Geschäftsführer: Jonathan Steubing

Banking information
Sparkasse Heidelberg
IBAN: DE35 6725 0020 0009 2076 86
BIC: SOLADES1HDB